

Phụ lục III
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O MẪU AHK XUẤT KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong AHKFTA)

C/O mẫu AHK phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy (trừ trường hợp hướng dẫn ở khoản 15 dưới đây). Nội dung kê khai phù hợp với Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại và biên bản kiểm tra xuất xứ hàng hóa (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O mẫu AHK cụ thể như sau:

1. Ô trên cùng bên phải “Certificate No.” ghi số tham chiếu (do cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: tên viết tắt Nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;

b) Nhóm 2: tên viết tắt Nước thành viên nhập khẩu là các nước thành viên AHKFTA, gồm 02 ký tự như sau:

BN: Bờ-ru-nây	MM: Mi-an-ma
KH: Cam-pu-chia	PH: Phi-líp-pin
ID: In-đô-nê-xi-a	SG: Xinh-ga-po
LA: Lào	TH: Thái Lan
MY: Ma-lai-xi-a	HK: Hồng Công, Trung Quốc

c) Nhóm 3: năm cấp C/O mẫu AHK, gồm 02 ký tự. Ví dụ: cấp năm 2019 ghi là “19”;

d) Nhóm 4: Mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu AHK của Việt Nam được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Nhóm 5: số thứ tự C/O mẫu AHK, gồm 05 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có dấu gạch ngang "-"; giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo "/".

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội cấp C/O mẫu AHK mang số thứ 8 cho một lô hàng xuất khẩu sang Hồng Công, Trung Quốc trong năm 2019 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này là: “VN-HK 19/01/00008”.

2. Ô số 1: Tên giao dịch của nhà xuất khẩu, địa chỉ, tên Bên/Nước thành viên xuất khẩu (Viet Nam).

3. Ô số 2: Tên người nhận hàng, địa chỉ, tên Bên/Nước thành viên nhập khẩu.

4. Ô số 3: Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì ghi "By air", nếu gửi bằng đường biển thì ghi tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

5. Ô số 4: Để trống.

6. Ô số 5: Số thứ tự các mặt hàng.

7. Ô số 6: Ký hiệu và số hiệu của kiện hàng.

8. Ô số 7:

- Số lượng kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm mã HS ở cấp độ 6 số; và nếu có, số hiệu hàng hóa, tên hàng hóa, tên nhãn hiệu hàng hóa - brand name). Mô tả hàng hóa phải đầy đủ chi tiết để cơ quan hải quan Nước thành viên nhập khẩu xác định được hàng hóa đó.

- Tên của nhà sản xuất và thương hiệu hàng hóa (trade mark) phải được ghi rõ.

- Tên và nước/bên công ty phát hành hóa đơn bên thứ ba (nếu có).

9. Ô số 8: Tiêu chí xuất xứ của hàng hóa

Hàng hóa được sản xuất tại Bên/Nước có tên ghi tại dòng đầu tiên ở Ô số 11 của C/O này gồm các trường hợp sau:	Điền vào Ô số 8
a) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy tại lãnh thổ của một Bên/Nước thành viên.	“WO”
b) Hàng hóa được sản xuất tại một Nước thành viên chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ của một hay nhiều Bên/Nước thành viên.	“PE”
c) Hàng hóa đáp ứng quy định tại Điều 7 Thông tư này:	
Hàm lượng giá trị khu vực	Tỷ lệ phần trăm Hàm lượng giá trị khu vực, ví dụ “40%”
Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC)	Tiêu chí chuyển đổi CTC cụ thể, ví dụ “CC” hoặc “CTH” hoặc “CTSH”
Công đoạn gia công đặc trưng	“SP”
Kết hợp các tiêu chí	Kết hợp các tiêu chí cụ thể, ví dụ “CTSH + 35%”

10. Ô số 9: Số lượng (trọng lượng cả bì hoặc trọng lượng tịnh của hàng hóa hoặc đơn vị đo lường khác), và trị giá FOB (trong trường hợp áp dụng tiêu chí RVC); trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ một Nước thành viên ASEAN sang Hồng Kông, Trung Quốc không cần ghi trị giá FOB tại ô số 9.

11. Ô số 10: Số và ngày của hóa đơn thương mại. Hóa đơn thương mại thường là hóa đơn được cấp cho hàng hóa nhập khẩu vào Bên/Nước thành viên

nhập khẩu. Cách thể hiện số hóa đơn tại ô số 10 trong trường hợp hóa đơn bên thứ ba thực hiện theo hướng dẫn tại mục 14 Phụ lục này.

12. Ô số 11:

a) Dòng đầu tiên ghi chữ "Viet Nam" trong trường hợp cấp C/O mẫu AHK hoặc Bên/Nước xuất xứ trong trường hợp cấp C/O mẫu AHK giáp lưng;

b) Dòng thứ hai ghi đầy đủ tên của Bên/Nước thành viên nhập khẩu;

c) Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, họ tên, chữ ký của thương nhân đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: Cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu AHK ghi: địa điểm, ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký của cán bộ cấp C/O, con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O.

14. Ô số 13:

a) Trường hợp cấp sau C/O theo quy định tại Điều 22 Thông tư này, đánh dấu “√” vào ô "Issued Retroactively" tại ô số 13.

b) Trường hợp hàng hóa được gửi từ Nước thành viên xuất khẩu để triển lãm tại một Nước thành viên khác và được bán trong hoặc sau thời gian triển lãm vào một Nước thành viên nhập khẩu theo quy định tại Điều 32 Thông tư này, đánh dấu “√” vào ô "Exhibition" tại ô số 13. Tên và địa chỉ nơi diễn ra triển lãm ghi tại ô số 2;

c) Trường hợp hàng hóa được cấp C/O mẫu AHK giáp lưng theo quy định tại Điều 23 Thông tư này, đánh dấu “√” vào ô "Movement Confirmation" tại ô số 13.

d) Trường hợp hóa đơn do bên thứ ba phát hành theo quy định tại Điều 33 Thông tư này, đánh dấu “√” vào ô "Third Party Invoicing" tại ô số 13. Tên và bên/nước của công ty phát hành hóa đơn ghi tại ô số 7, hoặc trong trường hợp không đủ chỗ thì ghi trên tờ khai bổ sung. Số của hóa đơn do nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu phát hành hoặc số hóa đơn bên thứ ba do thương nhân phát hành đối với hàng hóa nhập khẩu vào Bên/Nước thành viên nhập khẩu được thể hiện tại ô số 10.

đ) Trường hợp cộng gộp theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, đánh dấu “√” vào ô “Accumulation” tại ô số 13.

e) Trường hợp hàng hóa đáp ứng quy tắc De Minimis theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, đánh dấu “√” vào ô “De Minimis” tại ô số 13.

15. Các hướng dẫn khác: Ô số 13 có thể được đánh dấu “√” bằng tay hoặc in bằng máy vi tính.